

Tp HCM, ngày tháng năm 2009

GIÁM ĐỐC duyệt

**BẢNG TỔNG KẾT ĐIỂM NĂM I - LỚP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BAY K1 (XÉT HỌC BỔNG)**

(Từ ngày 16/10/2006 đến 30/07/2008)

Ghi chú: chỉ lấy điểm thi lần 1 để xét học bổng

TT	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	ĐTB NĂM 1 ĐVHT : 40	XẾP LOẠI NĂM 1	TOÁN A1	AVCB1	GDTC1	GDQP	PLDC	XSTK	TOÁN A2	VLDC	AVCB2	GDTC2	THDC	KQHK	LHK	T.LY	QTRI	KẾT QUẢ XÉT HỌC BỔNG	GHI CHÚ
						3	5			3	3	3	3	4		3	3	4	3	3		
1	Hồ Thị Vũ	Hiền	01/03/1990	7.9	KHÁ	6	8	9	6	7	8	10	9	7	8	8	8	10	7	8	ĐẠT	chuyển từ QTKD3 K2
2	Đặng Hồ Hoàng	Nhân	02/10/1990	7.7	KHÁ	8	8	9	7	7	6	5	9	6	6	9	7	10	8	9	ĐẠT	
3	Tô Mai	Lan	20/11/1990	7.63	KHÁ	6	8	10	6	7	7	6	9	7	7	9	6	10	8	7	ĐẠT	chuyển từ QTKD4 K2
4	Hồ Bích	Phuong	24/06/1990	7.24	KHÁ	5	8	10	7	5	8	5	9	5	10	9	6	9	8	8	ĐẠT	
5	Chu Lữ Thu	Phuong	09/06/1990	7.11	KHÁ	5	8	9	6	8	8	7	9	5	9	8	6	8	6	7	ĐẠT	
6	Trang Hạ	Thảo	30/04/1990	7.11	KHÁ	6	6	9	6	6	8	7	9	5	6	10	7	8	7	8	ĐẠT	
7	Phùng Thiên	Lý	30/10/1990	7.25	KHÁ	6	8	8	5	7	7	6	9	8	7	9	6	8	6	7	Ko ĐẠT	
8	Trình Công	Danh	05/09/1990	7.03	KHÁ	4	8	9	6	6	8	7	9	7	7	9	6	7	6	8	Ko ĐẠT	
9	Lê Nguyễn Hồng	Phúc	22/12/1990	7.68	KHÁ	4	7	10	7	6	7	8	9	7	7	10	8	10	9	8	Ko ĐẠT	
10	Phạm Thị	Ngân	01/04/1990	7.39	KHÁ	7	4	10	7	6	8	9	9	5	8	10	8	9	7	8	Ko ĐẠT	chuyển từ QTKD1 K2
11	Nguyễn Thị Nguyệt	Nga	15/10/1990	7.39	KHÁ	6	7	9	0	6	6	7	9	5	7	10	7	10	7	8	Ko ĐẠT	
12	Nguyễn Thị Mai	Anh	20/12/1990	7.35	KHÁ	4	9	9	7	7	7	3	9	8	7	9	7	10	7	7	Ko ĐẠT	
13	Cao Thị Trà	Giang	12/11/1990	6.96	TB KHÁ	5	5	8	7	5	7	7	9	4	7	9	8	10	7	8	Ko ĐẠT	chuyển từ CNĐT K2
14	Trần Hoàng	Linh	02/07/1990	6.93	TB KHÁ	8	2	9	7	6	8	7	9	5	8	10	7	9	7	8	Ko ĐẠT	chuyển từ QTKD1 K2
15	Vũ Thị Cẩm	Anh	18/12/1990	6.76	TB KHÁ	3	6	9	7	6	8	6	8	5	7	9	6	10	6	8	Ko ĐẠT	
16	Phạm Ngọc	Minh	19/09/1989	6.77	TB KHÁ	5	6	8	0	7	7	7	8	6	7	9	7	8	7	7	Ko ĐẠT	
17	Đỗ Song	Hiệp	26/03/1990	6.7	TB KHÁ	5	8	8	6	6	6	5	7	6	8	10	7	7	6	9	Ko ĐẠT	
18	Nguyễn Ngọc Ái	Như	30/05/1990	6.64	TB KHÁ	5	5	9	7	6	6	6	7	6	8	9	7	8	7	8	Ko ĐẠT	
19	Nguyễn Thuỳ	Lê	10/05/1990	6.53	TB KHÁ	3	4	9	7	6	8	7	9	4	8	9	6	8	7	9	Ko ĐẠT	
20	Trần Khánh	Ngọc	08/03/1987	6.45	TB KHÁ	5	5	9	6	2	8	6	9	5	5	9	6	10	7	7	Ko ĐẠT	

TT	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	ĐTB NĂM 1 ĐVHT : 40	XẾP LOẠI NĂM 1	TOÁN A1	AVCBI	GDTC1	GDQP	PLDC	XSTK	TOÁN A2	VLDC	AVCB2	GDTC2	THDC	KQHK	LHK	T.LY	QTRI	KẾT QUẢ XÉT HỌC BÔNG	GHI CHÚ
						3	5			3	3	3	3	4		3	3	4	3	3		
21	Phạm Đình	Thành	16/09/1988	6.29	TB KHÁ	4	4	9	6	8	8	5	9	5	5	8	5	7	6	8	Ko ĐẠT	chuyển từ ĐNĐT K2
22	Vũ Đức	Thùy	24/12/1989	6.22	TB KHÁ	6	2	9	7	6	8	7	8	6	7	8	6	7	7	7	Ko ĐẠT	
23	Lê	Tuấn	19/06/1990	6.15	TB KHÁ	4	4	7	7	6	6	5	9	3	5	10	6	7	7	9	Ko ĐẠT	
24	Nguyễn Thị Châu	Giang	02/01/1990	6.16	TB KHÁ	3	4	9	6	6	6	5	9	4	7	9	8	8	6	7	Ko ĐẠT	
25	Nguyễn Thị Diễm	My	22/05/1990	6.14	TB KHÁ	6	5	9	7	2	9	6	7	3	7	6	5	10	8	7	Ko ĐẠT	
26	Nguyễn Nhật	Toàn	06/06/1990	6.13	TB KHÁ	4	5	8	6	6	5	5	8	6	6	9	7	6	6	8	Ko ĐẠT	
27	Võ Minh	Hiếu	15/09/1986	5.97	T.BÌNH	3	7	M	M	6	4	3	7	7	0	5	9	6	6	7	Ko ĐẠT	
28	Trần Thị	Ngân	05/08/1989	5.97	T.BÌNH	4	2	9	0	6	3	4	9	4	6	10	7	9	7	7	Ko ĐẠT	
29	Vũ Bảo	Ngọc	23/03/1990	5.92	T.BÌNH	3	4	9	7	7	4	5	9	4	7	7	5	10	7	7	Ko ĐẠT	
30	Nguyễn Thành Vũ	Nguyễn	25/09/1990	5.9	T.BÌNH	0	8	8	7		6	4	8	7	8	9	5	7	7	7	Ko ĐẠT	
31	Ngô Tuấn	Phúc	04/01/1990	5.85	T.BÌNH	5	8	8	6	6	7	6	8	8	0	0	5	8	6	0	Ko ĐẠT	
32	Trịnh Ngọc	Khánh	04/09/1990	5.84	T.BÌNH	4	8	9	7	2	4	4	9	8	5	9	0	7	6	7	Ko ĐẠT	chuyển từ CNĐT K2
33	Trương Đoàn Bích	Lan	08/12/1990	5.68	T.BÌNH	4	5	9	5	6	7	3	7	4	5	8	0	8	7	9	Ko ĐẠT	
34	Nguyễn Thành	Nhân	10/12/1990	5.61	T.BÌNH	0	6	9	7		5	6	8	4	5	10	6	7	7	8	Ko ĐẠT	
35	Trần Thị Ngọc	Ánh	13/08/1990	5.55	T.BÌNH	0	0	9	0	8	0	7	9	5	10	9	8	10	7	8	Ko ĐẠT	chuyển từ CNĐT K2
36	Lê Thị Thủy	An	13/11/1988	5.59	T.BÌNH	5	6	8	M	0	0	5	8	5	7	9	7	9	6	7	Ko ĐẠT	chuyển từ CNĐT K2
37	Đoàn Thị Phương	Nhung	17/02/1990	5.54	T.BÌNH	0	0	9	0	7		4	9	6	7	10	8	10	7	8	Ko ĐẠT	
38	Trần Anh	Tuấn	28/09/1989	5.54	T.BÌNH	6	3	9	7	7	2	2	8	5	6	7	5	7	7	7	Ko ĐẠT	
39	Đặng Thanh	Hùng	23/05/1989	5.34	T.BÌNH	0	0	9	0	7	5	7	9	4	5	9	5	8	7	8	Ko ĐẠT	
40	Dương Xuân	Minh	06/10/1990	4.93	YẾU	3	4	7	6	7	6	4	7	4	0	6	0	6	6	7	Ko ĐẠT	chuyển từ QTKD1 K2
41	Liêu Hoàng	Bảo	10/01/1990	4.91	YẾU	0	0	9	6	0	6	8	9	5	5	9	7	6	6	7	Ko ĐẠT	
42	Nguyễn Văn	Lộc	20/12/1989	4.68	YẾU	0	0	7	6	0	5	7	8	5	7	8	5	7	6	8	Ko ĐẠT	
43	Nguyễn Thị Mai	Phương	01/09/1990	4.42	YẾU	0	0	9	0			6	9	5	9	7	6	8	7	7	Ko ĐẠT	
44	Nguyễn Thế	Quyên	22/05/1989	4.34	YẾU	1	4	8	6	3	2	3	8	4	6	10	0	6	5	6	Ko ĐẠT	
45	Đỗ Hải	Hậu	14/10/1990	4.00	YẾU	4	4	8	7	6	4	2	7	1	0	5	0	6	4	7	Ko ĐẠT	
46	Lê Thị Hương	Ly	15/12/1990	1.89	KÉM	7	2	8	6	7	9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Ko ĐẠT	
47	Trang Mỹ	Liên	26/08/1988	1.80	KÉM	4	9	9	5	0	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Ko ĐẠT	
48	Trần Sỹ	Huân	04/02/1989	0.20	KÉM	0	0	8	3	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	Ko ĐẠT	
49	Phan Thành	Nhân	03/10/1990	0	KÉM	0	0		0			0	0	0	0	0	0	0	0	0	Ko ĐẠT	

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Q.TRƯỞNG KHOA KHÔNG LƯU

LƯU TRUNG

NGUYỄN VĂN TRỌNG